

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H
Tỉnh Thanh Hóa

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 59/2021/HS-ST
Ngày 22/11/2021.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Nga.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Nam Văn

Ông Lê Lý Bằng

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Chuyên - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa:

Bà Hà Thị Quy - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 60/2021/TLST-HS ngày 29 tháng 10 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2021/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 11 năm 2021 đối với:

1. Bị cáo **Hoàng Văn Q**; sinh ngày 04/9/1991 tại Thanh Hóa; nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn X, xã P, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn K và bà Nguyễn Thị N; có vợ Bùi Thị L và có 02 con; tiền sự: Không; tiền án: Ngày 03/8/2018 bị Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, ngày 04/5/2019 chấp hành xong hình phạt tù, chưa chấp hành xong phần bồi thường dân sự; nhân thân: Ngày 29/02/2012 bị Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Thanh Hóa, xử phạt 09 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

2. Bị cáo **Bùi Văn D**; sinh ngày 14/9/1996 tại Thanh Hóa; nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn G, xã P, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông (Chưa rõ danh tính) và bà Bùi Thị N (Đã chết); chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

Bị hại: Chị Vũ Thị Xuân T, sinh năm 1988. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 23^h00' ngày 08 tháng 8 năm 2021, Hoàng Văn Q đang ngồi hóng mát tại khu vực cổng làng thôn X thì có Bùi Văn D đến gặp Q. Trong lúc nói chuyện, Q nảy sinh ý định vào Trạm Y tế xã P để trộm cắp tài sản nên rủ D đi cùng, D đồng ý. Q nói với D chỉ ở ngoài cánh giới còn Q đi vào lấy trộm. Sau đó, cả hai đi bộ đến Trạm Y tế xã P, khi đến nơi D nấp đằng sau chiếc ô tô tải đang đậu cạnh cổng Trạm Y tế để canh giới, còn Q đi vào phía trong các phòng bệnh để tìm tài sản sơ hở trộm cắp; lúc này, có người bệnh đến Trạm Y tế thăm khám thì chị Vũ Thị Xuân T là nhân viên đang trực dậy mở cửa phòng trực đi sang phòng bệnh thăm khám cho người dân, Q nhìn thấy phòng trực có điện sáng và khép hờ cửa nên Q đi đến nhìn qua cánh cửa thì phát hiện trên đầu giường có 01 chiếc điện thoại Iphone 11 Pro max 64Gb, đang sạc pin của chị T không người trông coi nên Q lén lút đi vào rút điện thoại khỏi dây sạc, lấy chiếc điện thoại bỏ vào túi quần rồi đi ra ngoài, do sợ mọi người phát hiện nên Q không đi ra theo đường cổng Trạm Y tế mà đi vòng ra phía sau, trèo qua tường ra phía cánh đồng thôn G xã P rồi đi thẳng về Trường Mầm non xã P, khi đi được một đoạn thì Q gặp D, khi gặp nhau Q lấy chiếc điện thoại vừa trộm được đưa cho D xem, do máy cài mật khẩu khó bán nên Q hứa với D sau khi bán được điện thoại sẽ chia tiền cho D, sau đó cả hai đi về nhà mình.

Ngày 09/8/2021, chị Vũ Thị Xuân T đã đến cơ quan Công an báo cáo việc bị mất trộm chiếc điện thoại di động Iphone 11 Pro Max, màu vàng, mua tháng 11/2019, có giá 34.900.000 đồng.

Ngày 13/8/2021, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H triệu tập Hoàng Văn Q và Bùi Văn D để làm việc, biết hành vi phạm tội của mình không thể trốn tránh pháp luật, Q và D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, đồng thời Hoàng Văn Q tự nguyện giao nộp 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 Pro Max 64Gb, màu vàng, đã qua sử dụng.

Tại Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 35/KL-HĐĐGHS ngày 16 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Hậu Lộc kết luận: 01 điện thoại Iphone 11 Pro Max, màu vàng có giá 18.900.000 đồng.

Ngày 08/10/2021, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H đã trả lại chiếc điện thoại trên cho chị Vũ Thị Xuân T là chủ sở hữu, chị Thu đã nhận lại và không có yêu cầu bồi thường gì thêm.

Cáo trạng số 66/CT-VKSHL ngày 29/10/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Thanh Hóa đã truy tố các bị cáo Hoàng Văn Q và Bùi Văn D về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo về tội danh, điều luật nêu trên và sau khi đánh giá tính chất vụ án, xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự đề nghị mức hình phạt đối với Hoàng Văn Q từ 15 tháng tù đến 18 tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17; Điều 58; khoản 1, 2 Điều 65 của Bộ luật Hình sự đề nghị mức hình phạt đối với Bùi Văn D từ 09 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về án phí: Các bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội đúng như Cáo trạng đã truy tố, đồng ý với luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa và lời nói sau cùng các bị cáo đều đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo và cho các bị cáo được hưởng mức hình phạt nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng đã truy tố, lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử đủ căn cứ kết luận: Khoảng 23^h00' ngày 08/8/2021 Hoàng Văn Q và Bùi Văn D đã lén lút vào trạm y tế xã P trộm cắp của chị Vũ Thị Xuân T 01 điện thoại Iphone 11

Pro Max 64Gb, màu vàng.

Kết luận định giá tài sản số: 35/KL-HĐĐGHS ngày 16 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện H kết luận: 01 điện thoại Iphone 11 Pro Max 64Gb, màu vàng có giá 18.900.000 đồng (Mười tám triệu chín trăm nghìn đồng).

Hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác của các bị cáo Hoàng Văn Q và Bùi Văn D đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm của tội “Trộm cắp tài sản” tội phạm, hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

[3] Xét tính chất của vụ án: Hành vi phạm tội của các bị cáo đã trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu hợp pháp của công dân được Nhà nước bảo vệ, xâm phạm đến trật tự trị an, an toàn xã hội, gây dư luận xấu trong quần chúng nhân dân. Với động cơ tư lợi muốn hưởng thụ trên thành quả lao động của người khác, các bị cáo lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu để chiếm đoạt tài sản, hành vi đó là nguy hiểm cho xã hội. Do đó cần phải có hình phạt phù hợp nhằm giáo dục các bị cáo và giáo dục chung cho xã hội.

[4] Xét vai trò của các bị cáo thì thấy:

Trong vụ án các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội là thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, để có hình phạt phù hợp với mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo cần phân hóa vai trò của từng bị cáo trong vụ án. Đối với bị cáo Hoàng Văn Q là người khởi xướng, rủ rê và trực tiếp thực hiện tội phạm, do đó Q có vai trò thứ nhất của vụ án, có hình phạt cao hơn so với D. Đối với bị cáo Bùi Văn D là người giúp sức tích cực cùng với Q thực hiện tội phạm, nhưng có vai trò hạn chế hơn so với Q nên hình phạt thấp hơn.

[5] *Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Bị cáo Bùi Văn D không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Bị cáo Hoàng Văn Q: Ngày 03/8/2018 bị Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, ngày 04/5/2019 đã chấp hành xong hình phạt tù nhưng chưa chấp hành xong phần bồi thường dân sự nên chưa được xóa án tích, nay tiếp tục phạm tội nên thuộc trường hợp “Tái phạm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[6] *Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Các bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, tài sản các bị cáo chiếm đoạt đã được trả lại cho bị hại. Bị cáo Bùi Văn D phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng do đó cần áp dụng các quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt.

Bị cáo Hoàng Văn Q đã có tiền án về tội trộm cắp tài sản nên khi quyết định hình phạt cần xem xét đối với bị cáo và cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo.

Bị cáo Bùi Văn D có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, có quá trình nhân thân tốt nên căn cứ Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 05 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo được hưởng án treo, dưới sự giám sát và giáo dục của chính quyền địa phương là phù hợp với quy định của pháp luật.

[7] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo nghề nghiệp không ổn định, không có thu nhập nên không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo.

[8] Về vật chứng vụ án và bồi thường dân sự: Xét thấy vật chứng vụ án là 01 điện thoại Iphone 11 Pro Max 64Gb, màu vàng có giá 18.900.000 đồng. Cơ quan điều tra đã trả lại cho bị hại, bị hại đã nhận được và không có yêu cầu gì nên không xem xét.

[9] Về án phí: Các bị cáo là người bị kết án và không thuộc trường hợp miễn án phí nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Hoàng Văn Q.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1,2 Điều 65 đối với bị cáo Bùi Văn D.

Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tổ tụng hình sự.

Khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Các bị cáo Hoàng Văn Q và Bùi Văn D phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt:

Bị cáo Hoàng Văn Q **16 (Mười sáu)** tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

Bị cáo Bùi Văn D **09 (Chín)** tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách **18 (Mười tám)** tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Bùi Văn D cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện H, tỉnh Thanh Hóa để giám sát và giáo dục. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Án phí: Buộc các bị cáo Hoàng Văn Q và Bùi Văn D mỗi bị cáo chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa.
- VKSND tỉnh Thanh Hóa.
- VKSND huyện Hậu Lộc.
- Cơ quan điều tra Công an huyện Hậu Lộc.
- Cơ quan THA HS huyện H.
- Chi cục THADS huyện H.
- Các bị cáo, bị hại.
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Cao Thị Nga